

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2022/KDTM-PT

Ngày: 14/4/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp
vốn đầu tư”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các Thẩm Phán:

1. Ông Lê Công Toại

2. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Trần Thị Thúy Ái– Kiểm sát viên.

Vào các ngày 05/4/2022 và 14/4/2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số
64/KDTMPT ngày 15/10/2021, về việc: “Tranh chấp hợp đồng góp vốn đầu tư”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 327/2021/KDTMST ngày
10/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 460/2022/QĐPT-KDTM
ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1457/2022/QĐ-
HPT ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Y;

Trụ sở: 191 đường N, phường V, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông T, sinh năm 1980 (Là Tổng
Giám đốc công ty) và ông T, sinh năm 1978 (Là Chủ tịch hội đồng quản trị công
ty).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông K, sinh năm 1978 và bà D,
sinh năm 1994;

Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah 1
(Theo văn bản ủy quyền số 1001A/2022/YEG/TGĐ/UQ ngày 05/01/2022).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T;

Trụ sở: 41-43 đường T, Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông H, sinh năm 1973 (Là Chủ
tịch hội đồng thành viên công ty).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đ, sinh năm 1975;

Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T (Theo văn bản ủy quyền số 20/GUQ/2022-TAD ngày 08/2/2022).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y trình bày:

Ngày 07/11/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đ nay đổi tên là Công ty Cổ phần Tập đoàn Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y) và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại M nay đổi tên là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T (sau đây gọi tắt là Công ty T) thỏa thuận ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS về việc Hợp tác Đầu tư – Xây dựng – Kinh doanh Dự án H Square số 100 đường H, Phường 0, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt Hợp đồng 025). Nội dung hai bên thỏa thuận như sau: Công ty Y đồng ý hợp tác với Công ty T đầu tư xây dựng và khai thác dự án H Square số 100 đường H, Phường 0, Quận N, Tp. Hồ Chí Minh; Thời gian hợp tác là 03 năm; Tổng vốn đầu tư ban đầu là 46 tỷ đồng trong đó Công ty Y góp vốn theo tỷ lệ 35% tổng mức đầu tư, tạm tính là 17.500.000.000 đồng; Quy định về phân chia doanh thu, quyền lợi của Công ty Y và các thỏa thuận khác.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Y đã chuyển đủ vốn góp là 17.500.000.000 đồng cho Công ty T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã chuyển khoản chia lợi nhuận của kỳ năm 2015 là 2.100.000.000 đồng và năm 2016 là 2.100.000.000 đồng cho Công ty Y.

Ngày 21/12/2017, hai bên thống nhất ký Biên bản thỏa thuận tiến hành thanh lý hợp đồng, thời hạn thực hiện là 6 tháng kể từ ngày ký biên bản. Sau đó, Công ty Y đã nhiều lần liên hệ làm việc, gửi công văn nhưng Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Đến ngày 13/12/2018, Công ty T gửi công văn xác nhận không thanh toán các khoản tiền lãi và hoàn trả tiền gốc của dự án cho Công ty Y. Do đó, Công ty Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T tiến hành thanh lý Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS ngày 07/11/2014; hoàn trả tiền vốn góp 17.500.000.000 đồng, thanh toán tiền lợi nhuận kỳ năm 2017 là 2.625.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 05/12/2019 là 5.753.125.000 đồng và phần lãi chậm trả phát sinh từ ngày 6/12/2019 cho đến ngày Công ty T thanh toán xong các khoản cần thanh toán cho Công ty Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T trình bày:

Ngày 07/11/2014, Công ty Y và Công ty T ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS về việc Hợp tác Đầu tư – Xây dựng – Kinh doanh Dự án H Square số 100 đường H, Phường 0, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận, tỷ lệ góp vốn của Công ty T là 65%, Công ty Y là 35% tạm tính là

17.500.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty Y đã chuyển 17.500.000.000 đồng cho Công ty T. Từ đầu tháng 12/2014 dự án đưa vào hoạt động nhưng hoạt động kinh doanh của Trung tâm gặp nhiều khó khăn như nhiều khách thuê yêu cầu giảm giá, trả mặt bằng, kios,... và Công ty Y chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng trước hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng. Mặc dù dự án kinh doanh không hiệu quả thua lỗ nhưng Công ty T vẫn chia doanh thu của năm 2015 là 2.100.000.000 đồng và năm 2016 là 2.100.000.000 đồng cho Công ty Y. Ngày 13/4/2018, Công ty T tiến hành thanh lý hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Đầu tư An Đông do hết thời hạn thuê vào ngày 01/12/2017. Tài sản thanh lý bao gồm 20 máy lạnh có giá trị là 300.000.000 đồng và tài sản còn lại đã qua sử dụng là 2.300.000.000 đồng. Công ty T đồng ý thanh toán lại giá trị thanh lý dự án theo tỷ lệ góp vốn tương đương 700.000.000 đồng cho Công ty Y như thỏa thuận tại hợp đồng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty T không đồng ý vì: theo quy định của pháp luật về hợp đồng góp vốn đầu tư thì các bên đầu tư phải tuân thủ nguyên tắc có lợi thì chia, lỗ cùng chịu nên Công ty Y cũng phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ của dự án theo tỷ lệ vốn góp; không phù hợp với nội dung hợp đồng hợp tác đầu tư – xây dựng – kinh doanh; thiếu trách nhiệm trong quan hệ hợp tác, vi phạm hợp đồng. Vì vậy đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có cơ sở, không phù hợp theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn- ông Khoa trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty T tiến hành thanh lý Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS ngày 07/11/2014; hoàn trả tiền vốn góp 17.500.000.000 đồng, thanh toán tiền lợi nhuận kỳ năm 2017 là 2.625.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 05/12/2019 là 5.753.125.000 đồng và phần lãi chậm trả phát sinh từ ngày 6/12/2019 cho đến ngày Công ty T thanh toán xong các khoản cần thanh toán cho Công ty Y. Tuy nhiên do từ “*thanh lý hợp đồng*” được nêu trong yêu cầu khởi kiện là chưa chính xác nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại thành “*chấm dứt hợp đồng*”. Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến về giá trị thanh lý tài sản còn lại của Dự án H Square là 2.600.000.000 đồng và đồng ý việc bị đơn Công ty T thanh toán lại 700.000.000 đồng.

Bị đơn- Ông Sơn trình bày: không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì hợp đồng mà hai bên thỏa thuận ký kết là hợp đồng hợp tác đầu tư nên các bên phải cùng phải thực hiện trên nguyên tắc bình đẳng có lợi thì chia, lỗ cùng chịu. Vì vậy đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có cơ sở, không phù hợp theo quy định pháp luật. Bị đơn tự nguyện thanh toán lại giá trị thanh lý dự án theo tỷ lệ góp vốn tương đương 700.000.000 đồng cho Công ty Y.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 327/2021/KDTM-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y về việc chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS ngày 07/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Y và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T hoàn trả tiền vốn góp 17.500.000.000 đồng, thanh toán tiền lợi nhuận kỳ năm 2017 là 2.625.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 05/12/2019 là 5.753.125.000 đồng và phần lãi chậm trả phát sinh từ ngày 6/12/2019 cho đến ngày Công ty TNHH Đầu tư T thanh toán xong các khoản cần thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Y.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T thanh toán giá trị tài sản thanh lý còn lại của dự án H Square là 700.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Y.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 24/5/2021, Đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Tập đoàn Y đã kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 327/2021/KDTM-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện bị đơn: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 86, Điều 227, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 327/2021/KDTMST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS được ký vào ngày 07/11/2014 nhưng các giao dịch dân sự được thực hiện cho đến tháng 12/2018, đồng thời nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y yêu cầu tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 05/12/2019 là 5.753.125.000 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng và phần lãi chậm trả phát sinh từ ngày 6/12/2019 cho đến ngày Công ty TNHH Đầu tư T thanh toán xong các khoản cần thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Y. Căn cứ thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng đến khi các bên yêu cầu chấm dứt hợp đồng Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015, Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 để giải quyết là có cơ sở.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không hòa giải, thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Phần 1 Quyết định bản án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y về việc chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS ngày 07/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Y và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T. Do phần này không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật và Tòa cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể là phần 2 mà Tòa án đã nêu trong phần Quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T hoàn trả tiền vốn góp 17.500.000.000 (Mười bảy tỷ năm trăm triệu) đồng, thanh toán tiền lợi nhuận kỳ năm 2017 là 2.625.000.000 (Hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 05/12/2019 là 5.753.125.000 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng và phần lãi chậm trả phát sinh từ ngày 6/12/2019 cho đến ngày Công ty TNHH Đầu tư T thanh toán xong các khoản cần thanh toán cho Công ty Y.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau: Buộc người bị kiện có nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng 025 cho Công ty Yeah 1 số tiền là 25.878.125.000 (Hai mươi lăm tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai

mười lăm nghìn) đồng (trong đó tiền vốn góp 17.500.000.000 đồng, lợi nhuận kỳ 2017 là 2.625.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 5/12/2019 là 5.753.125.000 đồng)

[2.1] Về yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T thanh toán tiền vốn góp 17.500.000.000 (Mười bảy tỷ năm trăm triệu) đồng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Y.

Căn cứ khoản 8 Điều 505; Điểm a Khoản 1 Điều 510; Khoản 2 Điều 512 Bộ luật dân sự năm 2015 việc rút khỏi hợp đồng hợp tác phải bảo đảm thực hiện đúng điều kiện hợp đồng khi các bên giao kết.

Căn cứ Điều 13 Luật Đầu tư “... Đối tượng, nội dung hợp tác, thời hạn kinh doanh, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm mỗi bên, quan hệ hợp tác giữa các bên và tổ chức quản lý do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng”.

Như vậy việc tranh chấp các bên sẽ dựa trên Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS ngày 07/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Y và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T để giải quyết.

Căn cứ Điều 9.4 mục II “Sau khi chấm dứt thời gian hợp tác và Hai bên phải tiến hành thanh lý Hợp đồng, đồng thời phải tiến hành giải quyết phần tài sản (công trình trên đất thuê) góp vốn, hai bên đồng ý giải quyết theo thứ tự ưu tiên như sau:

9.4.1 Chuyển toàn bộ phần công trình sang dự án khác nếu hai bên cùng hợp tác thực hiện dự án mới này. Hoặc

9.4.2 Chuyển giao toàn bộ công trình này cho Bên kia (nếu bên đó có nhu cầu) theo giá thỏa thuận sau khi đã khấu hao hoặc giá thị trường. Hoặc:

9.4.3 Không có bên nào có nhu cầu thì sẽ thanh lý cho các đơn vị khác và phân chia giá trị còn lại theo tỷ lệ góp vốn”.

Tại Báo cáo kết quả thực hiện các thủ tục đã thỏa thuận trước về các khoản thu-chi thực hiện dự án “Dự án H Square” do Công ty TNHH kiểm toán Việt Úc cho thấy các khoản chi cho dự án nhiều hơn các khoản thu, cụ thể: doanh thu: 121.380.249.437 đồng; chi phí: 205.302.469.099 đồng; lợi nhuận (âm): 83.922.219.622 đồng. Các bên đã nhận được Báo cáo và biết tình hình hoạt động dự án, các bên không có ý kiến về số liệu trong báo cáo cũng như không yêu cầu kiểm toán lại. Như vậy căn cứ bản báo cáo kết quả kinh doanh của các bên không hiệu quả, thua lỗ, phát sinh nhiều khoản nợ của dự án. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn lại vốn góp đầu tư là không có cơ sở. Ngay tại Điều 1 phần II Hợp đồng 025 đã nêu. Mục đích Hợp tác:”... trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi nhuận” lợi nhuận là tổng doanh thu trừ tổng chi phí. Căn cứ những quy định trên, thì hợp đồng hợp tác kinh doanh là sự thỏa thuận giữa các bên, các bên cùng góp vốn, cùng quản lý kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và cùng chịu rủi ro trong quá trình đầu tư kinh doanh trên tỷ lệ vốn góp. Dự án kinh doanh thua lỗ, không hiệu quả nên nguyên đơn Công ty Y yêu cầu bị đơn Công ty T hoàn lại vốn đầu tư dự án là không có cơ sở chấp nhận theo như

thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng 025 và quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Đầu tư năm 2005.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty T tự nguyện thanh toán giá trị tài sản thanh lý còn lại cho nguyên đơn Công ty Y phân đóng góp theo tỷ lệ tương ứng là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Công ty Y đồng ý và không có ý kiến với giá trị tài sản thanh lý còn lại của dự án H Square là 2.600.000.000 đồng theo Công văn số 230 ngày 13/12/2018 của Công ty T. Căn cứ Điều 9.4.3 Mục II Hợp đồng 025 và Khoản 2 Điều 512 Bộ luật Dân sự 2015 việc hai bên phân chia giá trị còn lại theo tỷ lệ vốn góp là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T thanh toán lợi nhuận kỳ 2017 là 2.625.000.000 (Hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 5/12/2019 là 5.753.125.000 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Y. Căn cứ Điều 6 mục II Hợp đồng 025 việc chia doanh thu sẽ căn cứ vào doanh thu hàng năm của dự án, thời gian chia doanh thu kết thúc niên độ tài chính. Nguyên đơn không chứng minh được dự án có doanh thu, có lợi nhuận trong việc kinh doanh khai thác dự án, bị đơn chứng minh dự án kinh doanh không tốt, không hiệu quả tại Báo cáo Kết quả thực hiện các thủ tục đã thỏa thuận trước về các khoản thu-chi thực hiện Dự án H Square và Báo cáo tổng hợp kết quả thu-chi thực hiện dự án thể hiện kết quả tổng các khoản chi lớn hơn tổng các khoản thu. Mặt khác, tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Y xác nhận dự án hoạt động kinh doanh tốt trong thời gian đầu nhưng thời gian sau không hiệu quả và cũng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh dự án H Square có phát sinh lợi nhuận vào năm 2017 và tổng các khoản thu lớn hơn tổng các khoản chi. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở và không phù hợp quy định tại Điều 6 và Điều 8 Hợp đồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định trên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên án phí theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Do yêu cầu về việc hoàn trả tiền góp vốn và tiền lãi chậm thanh toán không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí 133.878.125 (Một trăm ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi

lăm) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.876.563 (Năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0007147 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Công ty Y còn phải chịu 77.001.562 (Bảy mươi bảy triệu không trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi hai) đồng.

Bị đơn Công ty Tân An Đông chịu án phí 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Y không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0033201 ngày 26/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Luật Đầu tư ;

Căn cứ Điều 505, Điều 510 và Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 327/2021/KDTMST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y về việc chấm dứt Hợp đồng nguyên tắc số 025/HĐNT-HVS ngày 07/11/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Y và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn Y về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T hoàn trả tiền vốn góp 17.500.000.000 (Mười bảy tỷ năm trăm triệu) đồng, thanh toán tiền lợi nhuận kỳ năm 2017 là 2.625.000.000 (Hai tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 05/12/2019 là 5.753.125.000 (Năm tỷ bảy trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng và phần lãi chậm trả phát sinh từ ngày 6/12/2019 cho đến ngày Công ty TNHH Đầu tư T thanh toán xong các khoản cần thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Y.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T thanh toán giá trị tài sản thanh lý còn lại của dự án H Square là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Y.

4. Về án phí:

4.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Y chịu 133.878.125 (Một trăm ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.876.563 (Năm mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0007147 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Tập đoàn Y còn phải chịu 77.001.562 (Bảy mươi bảy triệu không trăm lẻ một nghìn năm trăm sáu mươi hai) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư T chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

4.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Y phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0033201 ngày 26/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3, TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Thị Thảo